

CƠ CẤU KINH TẾ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NGÃI

NGUYỄN VĂN MẠNH

I. Thực trạng và vấn đề đặt ra

Miền núi tỉnh Quảng Ngãi là một vùng tương đối rộng ở phía tây miền Trung nước ta, bao gồm 4 huyện: Ba-Tơ, Sơn-Hà, Minh Long, Trà Bồng, với diện tích tự nhiên 3.917 km² và số dân 190.920 người, phân đông là các dân tộc H'rê, Co, Ca-dong (1).

Đây là một vùng đất nằm ở đầu nguồn nhiều sông, suối chảy về đồng bằng Trung Bộ. Vì vậy, việc phát triển kinh tế không chỉ có tác dụng ổn định đời sống mà còn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ rừng, đất rừng, nguồn nước, khí hậu - môi trường sinh thái của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và các tỉnh đồng bằng Trung Bộ nói chung.

Từ sau ngày giải phóng, các dân tộc trong tỉnh đã từng bước tiến hành việc định canh, định cư, phát triển sản xuất nên đời sống kinh tế có những bước tiến đáng kể, thể hiện trên những mặt sau:

1. Nền sản xuất đa dạng, bao gồm nhiều hình thái kinh tế, từ nguyên thủy đến nông nghiệp phát triển, trong đó, nông nghiệp đã bước đầu đi vào xen canh, thâm canh. Đồng bào đã kết hợp trồng cây lương thực như lúa, ngô, khoai với các loại rau, quả, (như bầu, bí, các loại đậu, chuối, mít, thơm...), cây công nghiệp (như chè, mía, thuốc lá, cau, trà, trầu, quế, cà phê, ca cao, dứa...). Việc khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích đất trồng, đặc biệt là đất có khả năng làm ruộng nước ngày càng được mở rộng. Chỉ tính riêng năm 1992, theo báo cáo số 10 của Ban Dân tộc và Miền núi Quảng Ngãi, trong 4 huyện nói trên đã có 1.676 ha đất trồng (trong đó ruộng nước 713 ha) được khai hoang phục hóa. Trên những cánh đồng ruộng nước của người H'rê

ở Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, đã sử dụng giống lúa mới, trồng một năm 2 vụ và chú trọng thâm canh tăng năng suất như làm cỏ, bón phân, dùng thuốc diệt trừ sâu bệnh cho lúa... Nhiều nơi còn phát triển theo hướng tập trung chuyên canh trồng cây công nghiệp như quế, trầu ở người Co (Trà Bồng), trồng chè ở người H'rê (Minh Long), trồng cau, quế ở người Ca-dong (Sơn Hà)... Đến cuối năm 1992, diện tích quế của người Co ở Trà Bồng lên đến 2.200 ha; chè, cà phê, ca cao ở Minh Long đạt 562 ha...

2. Đời sống các dân tộc dần dần được ổn định. Với cuộc vận động định canh định cư và đầu tư vốn của trung ương, nhiều cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được xây dựng, như các công trình thủy lợi lớn nhỏ ở Ba Tơ (đập dâng nước Ba Chùa, đập Trường An, đập Gia Thủy I...); ở Sơn Hà (đập Sơn Thượng, Sơn Thủy, Sông Cao...); ở Minh Long (đập Long Hiệp...). Nhờ vậy, diện tích canh tác được tưới nước ngày càng tăng, đã góp phần tăng vụ, tăng năng suất cây lúa. Bên cạnh đó, các công trình thủy điện phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân được xây dựng ngày càng nhiều, như trạm thủy điện làng Ren (Minh Long) với công suất 10kw. Ở các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng đều có trạm thủy điện với công suất từ 60-250 kw. Công suất phát điện tuy còn nhỏ, nhưng ở nhiều bản làng ánh sáng văn minh đã đến với đồng bào các dân tộc. Trong các bản làng dân tộc vùng thấp, số hộ có xe đạp, xe máy, máy thu thanh ngày càng nhiều. Một số bản làng của người H'rê, người Co đã có nhà gạch, nhà ngói.

(1) Ca-dong: Được xếp vào cộng đồng dân tộc Xơ-đăng theo danh mục các dân tộc Việt Nam (chủ tịch của Người biên tập).

Tuy vậy, nghiêm khắc nhìn nhận vấn đề, chúng ta thấy thực trạng nền kinh tế của các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi còn nhiều mặt yếu kém.

1. Nền kinh tế phát triển chậm và chưa thoát khỏi tính chất tự nhiên, tự cung tự cấp, mang nhiều dấu vết nguyên thủy. Đời sống nhân dân chậm được cải thiện, đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Miền núi Quảng Ngãi có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, nhưng cho đến nay, nền kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp, một nền nông nghiệp phát triển chậm, lệ thuộc vào tự nhiên. Ở dân tộc Co và Ca-dong, nền nông nghiệp chủ yếu vẫn là nương rẫy, mà ở đây chỉ đủ nuôi sống con người từ 4-6 tháng/năm. Ở người H'rê, đã chuyển sang trồng lúa nước là chủ yếu, song việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Đồng bào chưa quen dùng phân chuồng, phân hóa học để bón lúa, vì thế năng suất cây trồng còn thấp. Vài năm gần đây, sản lượng lương thực tăng chậm, thậm chí còn giảm; Sản lượng lương thực năm 1992 không cao hơn 1990 và so với 1991 giảm 2% (năng suất lúa 1992 đạt 7,1 tạ/ha), 6 tháng đầu năm 1993 năng suất lúa 4 huyện miền núi tiếp tục giảm, chỉ còn 6,9 tạ/ha. Trong lúc đó, vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình không được chú trọng nên mức tăng dân số quá cao, trung bình hàng năm tăng 2,5%. Vì vậy, bình quân lương thực sản xuất theo đầu người rất thấp (năm 1990 là 273 kg thóc, năm 1992 là 280 kg). Nhiều xã vùng cao của huyện Sơn Hà, Trà Bồng bình quân còn thấp hơn, chỉ đạt từ 150-200 kg thóc.

Vì vậy, nạn đói vẫn thường xuyên đe dọa đồng bào. Theo báo cáo số 10 của Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh Quảng Ngãi, có 50.123 khẩu, chiếm 65% dân số các dân tộc thiểu số của tỉnh bị đói, cần sự cứu trợ của Nhà nước.

Chăn nuôi gia súc là một nghề truyền thống của đồng bào, đặc biệt là nuôi trâu ở người H'rê. Mấy năm gần đây, số lượng đàn trâu, bò, lợn, gà từng gia đình có tăng, song chăn nuôi vẫn mang nặng tính tự nhiên. Tập quán thả rông gia súc không những phá hoại sản xuất, gây ô nhiễm môi trường mà còn

gây nên bệnh tật, khiến cho đàn gia súc vốn tăng chậm lại càng chậm hơn.

Nghề rừng và tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển nên không phát huy được hết thế mạnh lâm-thổ sản của địa phương. Hầu như giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp không đáng kể. Nghề rừng và khai thác lâm thổ sản chỉ dựa vào nguồn thu ít ỏi của mây, song, mía và đốt. Nhưng ngay cả 3 mặt hàng này, việc thu mua cũng rất tùy tiện, không có biện pháp tích cực nên hiệu quả kinh tế không cao, không khuyến khích được nhân dân.

Việc chế biến màu không được quan tâm đúng mức, nên nguồn sắn, ngô, khoai phong phú của đồng bào bị lãng phí.

Kinh tế hàng hóa phát triển chậm, giá cả thiếu ổn định, việc mua bán tùy tiện của các thương nhân người Việt... đã làm cho một số mặt hàng nông sản tiêu thụ kém, như thuốc lá, dâu tằm, chuối, thơm và quế. Ngay cả cây quế, mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao cũng không được Nhà nước quan tâm đúng mức, vì thể hiện tượng mua ép, trao đổi sản phẩm không công bằng của các tiểu thương người Việt, đã gây nên sự lộn xộn, bất bình trong nhân dân.

2. Cuộc vận động ĐCĐC còn dàn trải, không tính hết những điểm mạnh, điểm yếu, những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành giãn dân, làm nhà, định canh lâu dài. Đặc biệt không chú ý đến những phong tục tập quán của đồng bào để có những động viên, giải thích cho họ hiểu thấu chủ trương, chính sách của Đảng. Vì vậy đã không kịp thời uốn nắn, ngăn chặn những hành vi tiêu cực do mê tín dị đoan đưa đến. Ví dụ, chỉ cần nhìn thấy con khỉ trắng ở gần bản định canh định cư là đồng bào bỏ đi nơi khác, vì cho rằng như thế là điềm xấu (trường hợp tập đoàn I xã Sơn Mùa huyện Sơn Hà). Việc tiến hành định canh định cư còn lẻ tẻ, rời rạc; không có sự kết hợp đồng bộ giữa các ban ngành như giáo dục, y tế, văn hóa, giao thông, nông nghiệp, thương nghiệp; nhiều lúc chỉ phó mặc cho ban ĐCĐC của huyện, tỉnh. Số vốn hỗ trợ cho công tác ĐCĐC của Nhà nước còn rất hạn chế mà nhu cầu lại rất cao. Theo báo

cáo của Ban DT và MN Quảng Ngãi ngày 22-6-1993 toàn tỉnh có 47 xã với 90.000 nhân khẩu thuộc các dân tộc Co, Ca-dong, Hrê nằm trong diện cần phải ĐCDC, đến cuối năm 1992 đã có 30 xã với 55.000 nhân khẩu đã được đầu tư. Nhưng ở tất cả các xã đó đều còn dở dang, một số xã gần như phải làm lại từ đầu (như Sơn Mùa, Sơn Tân, Sơn Dung ở huyện Sơn Hà). Việc tiến hành ĐCDC tràn lan đã dẫn đến hiện tượng bỏ dở công trình, hoặc làm không đến nơi đến chốn. Hơn nữa, việc tiến hành ĐCDC còn nặng về xây dựng cơ bản như nhà trẻ, trường học, trạm xá, thủy lợi, giếng nước, đường giao thông..., ít chú ý đến những biện pháp trước mắt để phát triển kinh tế cho nhân dân như đất canh tác, cung cấp vốn ban đầu, các giống cây, con thích hợp phục vụ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở chế biến màu, tạo điều kiện thu mua những nguồn hàng nông, thổ sản của nhân dân...

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở đây vấn đề cốt tử là lương thực. Thiếu đất trồng lúa, đời sống đói khổ thì không thể nói đến ĐCDC được.

Thêm vào đó, các công trình xây dựng cơ bản ở vùng ĐCDC không được bảo dưỡng, quản lý, nên tình hình hư hại và xuống cấp khá nghiêm trọng. Nhiều đoạn đường, trường học, bệnh xá, giếng nước... chỉ sau một vài mùa mưa lũ là sứt lở, sập vỡ. Điều này đã gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tiến hành ĐCDC ở đây.

3. Diện tích rừng bị giảm sút nghiêm trọng, môi trường sinh thái bị phá hoại nặng nề đã ảnh hưởng không ít đến sản xuất và đời sống. Do dân số tăng nhanh, chỗ ở và lương thực đòi hỏi ngày càng nhiều, dẫn đến tình trạng đốt phá rừng làm nương rẫy càng phổ biến. Điều đó đã làm cho rừng chẳng những không phát huy được thế mạnh của mình, mà còn làm phá vỡ hệ sinh thái rừng đầu nguồn, làm cho môi trường tự nhiên bị nghèo nàn.

Việc bảo vệ rừng bị buông lỏng, chẳng những nhân dân tự tiện chặt phá để làm rẫy mà các cơ sở lâm nghiệp tư nhân lẫn quốc

doanh còn khai thác gỗ bừa bãi khiến cho rừng bị giảm sút nghiêm trọng. Theo thống kê sơ bộ của Ban DT và MN Quảng Ngãi (trong báo cáo ngày 22-6-1993), đến cuối năm 1992, toàn tỉnh có 337.142 ha diện tích đất lâm nghiệp, thì chỉ có 94.812 ha đất rừng, còn 239.490 ha đất trống, đồi núi trọc.

Đó là nguyên nhân dẫn đến môi trường tự nhiên bị giảm sút, nguồn lợi thiên nhiên bị cạn kiệt, gây nên hạn hán nghiêm trọng trong mùa khô và lũ lụt trong mùa mưa, làm cho sản lượng không ổn định, đất màu bị rửa trôi. Đặc biệt do mất nguồn sinh thủy nên tình trạng khan hiếm nước ăn ngày càng trầm trọng. Thêm vào đó, tập quán thả rông gia súc đã gây nên sự ô nhiễm nguồn nước nói riêng và môi trường sống nói chung. Đó là nguyên nhân của dịch bệnh lan tràn. Nhiệm vụ làm trong sạch môi trường, đặc biệt là làm sạch nguồn nước sinh hoạt hàng ngày của đồng bào, nhất là mùa khô còn rất nặng nề và lâu dài.

II. Chiến lược phát triển kinh tế

Miền núi Quảng Ngãi có 4 nhóm sản phẩm chủ yếu sau đây: lương thực, lâm nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc. Vấn đề là các thế mạnh trên đã được phát huy đến mức độ nào?

Nói đến miền núi, chúng ta nghĩ ngay đến thế mạnh về lâm nghiệp. Đó là nơi cung cấp gỗ và các loại lâm thổ sản khác cho vùng đồng bằng với 337.142 ha đất lâm nghiệp, chiếm 41,5% đất tự nhiên, gấp 12 lần diện tích đất nông nghiệp. Miền núi Quảng Ngãi rõ ràng có một tiềm năng kinh tế lớn về lâm nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay rừng đã bị kiệt quệ, độ che phủ chỉ còn 28,9% (97.652 ha), nhiều vùng rộng lớn không còn rừng, đất đai cằn cỗi, trơ trọi, thậm chí có nơi không có cả củi để đốt. Con số 239.490 ha đất trống đồi trọc, chiếm 71,1% diện tích đất rừng - theo báo cáo số 10 của Ban DT và MN tỉnh Quảng Ngãi - đã nói lên điều đó. Trong suốt 17 năm qua, sau ngày giải phóng, Đảng đã thực hiện công cuộc ĐCDC, hạn chế đốt phá rừng, đồng thời phát động phong trào trồng

rừng, nhưng toàn tỉnh cũng chỉ trồng được 2.484 ha rừng, chiếm 1% diện tích đất rừng bị con người tàn phá. Rừng bị tàn phá, kéo theo sự kiệt quệ của các nguồn tài nguyên khác như dược liệu, các loại thú quý... và đồng thời làm khô nguồn thủy năng, hủy hoại hệ sinh thái.

Như vậy, thế mạnh về lâm nghiệp ở đây đã bị giảm sút, có nơi trở thành chỗ yếu, phải bỏ vốn, bỏ lao động với số lượng đáng kể mới khôi phục được vốn rừng cũ trong thời gian không ngắn. Vì thế, khi xây dựng cơ cấu kinh tế từng vùng, từng dân tộc, phải xem xét cụ thể thế mạnh của rừng.

Thế mạnh của rừng ở Quảng Ngãi trước mắt tập trung vào mấy nguồn sau đây: gỗ, đốt, mây, nứa. Những nguồn lợi này nếu biết khai thác, chế biến có kế hoạch thì hiệu quả kinh tế sẽ cao hơn nhiều. Mấy năm vừa qua chỉ có gỗ là do các lâm trường quốc doanh khai thác nhưng số lượng cũng rất hạn chế; còn mây, đốt thì khai thác cá nhân lẻ tẻ và việc mua bán cũng tùy tiện, chính quyền địa phương chỉ quản lý các mặt hàng đó qua việc thu thuế. Một nguồn lợi nữa là nứa, đặc biệt là ở huyện Sơn Hà (nơi người Ca-dong sinh sống) thì chưa được khai thác. Nếu chúng ta đầu tư vốn, xây dựng tại chỗ các cơ sở thu mua và chế biến sản phẩm từ mây, đốt, nứa thì những nguồn lợi này sẽ tăng gấp nhiều lần.

Thế mạnh thứ 2 ở đây là cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu quý. Điều này gắn liền với thế mạnh tài nguyên thiên nhiên và kinh nghiệm lâu đời của nhân dân. Sản phẩm của thế mạnh này rất phong phú, như chuối, mít, thơm, các loại đậu, nhân sâm, cà độc dược, ngải trời, quế, cau, chè, thuốc lá, dầu, keo lá tràm, muồng đen... Đó là những mặt hàng chính của đồng bào để trao đổi, mua bán ở thị trường, và là nguồn thu nhập rất quan trọng cho mỗi gia đình các dân tộc. Nó không những là nguồn thu nhập để đồng bào mua công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, mà còn là nguồn bổ sung lương thực khi giáp hạt, mất mùa. Nếu chúng ta giải quyết tốt vấn đề lưu thông hàng hóa và

phương tiện vận chuyển thì nguồn thu từ thế mạnh này còn tăng lên rất nhiều. Một ví dụ cụ thể là người Hrê ở gần huyện lỵ Ba Tơ, do việc lưu thông hàng hóa phát triển nên hằng năm, một gia đình đã thu hoạch bình quân từ cây ăn quả như thơm, chuối lên đến 2-3 triệu đồng.

Đặc biệt, nguồn thu từ quế ở người Co rất lớn. Hiện nay diện tích quế ở huyện Trà Bồng có khoảng 2.200 ha (theo báo cáo của UBND huyện Trà Bồng ngày 30-6-1993), bình quân hằng năm khai thác được 250-300 tấn quế (tương đương với 2500 đến 3000 triệu đồng). Đó là chỉ mới hơn 50% dân số người Co có quế trồng, còn gần 50% không có vốn ban đầu để mua cây giống. Nếu nhà nước đầu tư vốn để khuyến khích sản xuất và có kế hoạch thu mua tốt thì nguồn lợi về nghề trồng quế còn gấp bội.

Thế mạnh thứ 3 là khả năng phát triển chăn nuôi đại gia súc. Với diện tích đồng cỏ tương đối lớn ở vùng đồi núi, nhất là cỏ dưới tán cây rừng, miền núi Quảng Ngãi có điều kiện phát triển chăn nuôi trâu, bò theo quy mô vừa và nhỏ (nông, lâm trường QĐ và từng gia đình).

Chăn nuôi gia súc đối với đồng bào các dân tộc ở đây là một nghề truyền thống lâu đời, đặc biệt là người Hrê. Trâu, bò là con vật cần thiết cho con người không chỉ trong lao động sản xuất (sức kéo), mà còn trong đời sống tinh thần của đồng bào (vật cúng tế). Vì vậy, đa số các gia đình đều chăn nuôi trâu, bò. Theo báo cáo số 10 của ban DT và MN Quảng Ngãi, tính đến cuối 1992, đàn trâu bò ở đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh có 46.717 con (trung bình hơn 3 người dân có một con trâu hoặc bò).

Tuy vậy, hiện nay việc phát triển chăn nuôi đang gặp phải nhiều khó khăn như:

Tập quán thả rông gia súc đã hạn chế khả năng tăng trưởng cả về số lượng lẫn chất lượng. Không có chế độ tiêm phòng và chăm sóc, nên không ngăn ngừa hạn chế được dịch bệnh. Việc cúng bái thường xuyên, nhất là tục đâm trâu hằng năm đã gây không ít khó khăn trong việc phát triển đàn gia súc(1).

Một số gia đình không có vốn ban đầu để mua con giống nên không thể tiến hành chăn nuôi trâu, bò được.

Có thể lập bảng xác định vị trí các cây trồng trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở khu vực này như sau: (Xem biểu)

Các loại cây trồng Dân tộc	Lúa nước		Lúa rẫy	Hoa màu (ngô, khoai, sắn)	Cây ăn quả	Cây công nghiệp ngắn ngày	Cây công nghiệp dài ngày		
	Quế	Chè					Cau, trà		
Hrê (Ba Tơ, Sơn Hà)	1	2	3	4	5				
Hrê (Minh Long)	1	2	3	5	6		4		
Co	4	1	3	5	7	2		6	
Ca-dong		1	2	5	6	3		4	

Những khó khăn trên đã gây không ít trở ngại đến việc phát triển chăn nuôi ở đồng bào. Hạn chế và khắc phục những khó khăn đó, thiết nghĩ là một nhiệm vụ rất quan trọng của cuộc vận động ĐCĐC ở vùng núi tỉnh Quảng Ngãi.

Thế mạnh thứ 4 là cây lương thực. Cây lương thực là vấn đề sống còn của đồng bào. Không có nguồn lương thực tại chỗ, trong tình hình quan hệ trao đổi, mua bán ở miền núi còn hạn chế, thì khó đảm bảo đời sống, vì thế không thể nói gì đến những tiềm năng, nguồn lợi khác.

Trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý ở đây không thể không chú trọng đặc biệt đến tiềm năng cây lương thực. Không nên cứ nói đến miền núi là coi nhẹ thế mạnh này. Miền núi Quảng Ngãi rõ ràng có khả năng phát triển cây lương thực, đảm bảo về lương thực tại chỗ cho đồng bào. Nó cùng với thế mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, tạo nên một cơ cấu kinh tế nông nghiệp với một tiềm năng dồi dào. Tuy diện tích đất trồng lúa ở vùng người Co và Ca-dong có hạn chế, nhất là đất có khả năng trồng lúa nước, nhưng nếu xác định đúng vị trí các cây trồng trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp, làm cho phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng dân tộc, thì hoàn toàn có thể giải quyết được vấn đề lương thực tại chỗ. Có như vậy, mới mở rộng và phát huy được các tiềm năng kinh tế khác.

Còn một số cây như cà phê, ca cao, dầu tầm, qua thí nghiệm trồng ở các huyện cho thấy hiệu quả kinh tế rất kém.

Như vậy, cùng với chăn nuôi gia súc, gia cầm, hệ thống cây trồng nói trên đã tạo ra thế mạnh trước mắt về nông nghiệp nơi đây. Việc xác định tiềm năng, thế mạnh theo hướng trên, cho phép các dân tộc ít người có thể xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, trước mắt theo mô hình nông - lâm kết hợp, trong đó nông nghiệp bao gồm cả chăn nuôi và trồng trọt, lâm nghiệp bao gồm trồng, khai thác và bảo vệ rừng.

Trong trồng trọt, cần đầu tư có trọng điểm vào các loại cây trồng có giá trị hàng hóa cao như quế của người Co ở Trà Bồng, chè của người Hrê ở Minh Long, thơm (dứa) của người Hrê ở Minh Long; cau, quế của người Ca-dong ở Sơn Hà... Nhưng nói chung, hiện nay cây lúa vẫn chiếm địa vị hàng đầu trong các loại cây trồng. Điều này thể hiện nhu cầu lương thực tại chỗ rất cao. Ngay cả ở người Co, việc trồng lúa hiện nay vẫn chiếm vai trò rất quan trọng, dù rằng trồng quế hiệu quả kinh tế cao hơn. Cây quế bán ra chỉ giúp cho đồng bào mua các nhu yếu phẩm hàng ngày như chăn, màn, áo, quần, công cụ lao động và gần đây là giường, bàn, tủ, xe, máy thu thanh... Điều này lý giải hiện tượng nhiều gia

(1) Chúng tôi bào lưu ý kiến riêng này: vì thực ra ở Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung, ở đồng bào, Hrê nói riêng, truyền thống chăn nuôi là để ưu tiên việc hiến tế như tác giả cũng đã đề cập đến trong bài (Người biên tập).

đình có quế, có tiền mà vẫn bị cái đói đe dọa. Hơn nữa, trồng quế đòi hỏi phải có vốn ban đầu và phải có một thời gian dài (trên 3 năm) mới thu hoạch được nên không thể nuôi sống con người ở đây bằng cách chỉ trồng quế. Muốn đảm bảo cuộc sống, ngoài việc trồng quế, đồng bào còn phải trồng cây ăn quả, hoa màu, đặc biệt là cây lúa. Song việc trồng lúa ở người Co và Ca-dong có nét đặc thù: địa hình cư trú có độ dốc lớn, họ không thể phát triển trồng lúa nước mà chỉ có thể phá rừng làm rẫy. Theo báo cáo ngày 25-5-1993 của Phòng Thống kê huyện Trà Bông, người Co có 21201 nhân khẩu, nhưng chỉ có 300 ha ruộng nước (chủ yếu mới được khai phá gần đây cùng với chủ trương ĐCĐC). Vì vậy, trung bình một năm, một nhân khẩu phá một hecta rừng để làm rẫy.

Tuy nhiên, có thể tháo gỡ khó khăn này cho đồng bào theo những hướng sau:

- Xây dựng phương án trồng quế, cau (nhà nước cần hỗ trợ vốn ban đầu) và trao đổi sản phẩm quế, cau với lúa gạo một cách hợp lý.

- Khai hoang thêm ruộng nước, động viên và tạo điều kiện để đồng bào thâm canh trồng lúa trên một diện tích đất rẫy nhất định; kiên quyết ngăn chặn việc phá rừng.

Đây là những phương pháp tích cực nhất để hạn chế việc đốt phá rừng làm rẫy của người Co và người Ca-dong.

Trong chăn nuôi, cần chú ý theo quy mô tiểu gia đình, nhưng phải hạn chế việc đưa chăn nuôi vào mục đích cứng tế, mà trước hết phải phục vụ sản xuất (làm sức kéo), trao đổi sản phẩm và cải thiện bữa ăn hàng ngày. Có như vậy mới nâng cao được hiệu quả kinh tế của thể mạnh này.

Trong cơ cấu lâm nghiệp, cần chú ý kết hợp 3 mặt: khai thác rừng, trồng rừng và bảo vệ rừng. Ở mặt khai thác, cần đưa vào kế hoạch khai thác gỗ, tránh khai thác tùy tiện, tràn lan. Còn việc khai thác mây, đốt, nứa, sa nhân, ngải trời, nhân sâm... cần phải được

mở rộng ra tất cả các vùng, các dân tộc, và phải có chính sách thu mua hợp lý để thu hút lực lượng lao động của đồng bào, tạo điều kiện ổn định đời sống cho họ. Cũng có thể mở thêm một số ngành thủ công nghiệp để sử dụng nguyên liệu và sức lao động tại chỗ như đan lát các loại hàng mây tre, làm chổi đốt xuất khẩu, chế biến giấy từ nứa...

Nói chung, lâm nghiệp được coi là thế mạnh lâu dài của vùng núi nói chung và miền tây Quảng Ngãi nói riêng. Nhưng muốn làm được điều đó, cần phải chú trọng việc trồng rừng, bảo vệ rừng. Con số gần 71% rừng bị đốt phá đã làm cho thế mạnh về lâm nghiệp của miền này bị hạn chế. Cần phải chặn đứng việc phá rừng làm rẫy, và có kế hoạch từng bước phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Có thể kết hợp trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả với việc trồng rừng, theo hướng phân loại cây trồng thành 3 tầng:

- Tầng cao trồng các loại: quế, mít, thông ba lá, keo lá tràm, muồng đen, thuần dương các loại chò, dổi, hương sơn...

- Tầng trung trồng các loại hồ tiêu, chè...

- Tầng thấp trồng các loại chuối, dứa, dâu, mía...

Tuy nhiên, việc chọn cây trồng còn phụ thuộc vào từng vùng, từng dân tộc để có sự phù hợp giữa cây trồng và chất đất, với kinh nghiệm trồng trọt của nhân dân. Tránh ôm đồm trồng tất cả các loại cây, không tính đến hiệu quả kinh tế và khả năng bảo dưỡng. Thiết nghĩ, mỗi vùng chỉ nên chọn cho mình một số loại cây phù hợp nhất.

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế cho một vùng, cần chú ý đến thế mạnh trước mắt và lâu dài. Ở miền núi Quảng Ngãi, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trước mắt không thể đưa thế mạnh lâm nghiệp lên hàng đầu mà phải là cơ cấu nông-lâm kết hợp, bao gồm cả chăn nuôi, trồng cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, khai thác rừng, trồng rừng và bảo vệ rừng.